

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày 11 - 9 - 2025
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nga; Bà Trương Thị Lệ Chi.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS ngày 23/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-DS ngày 08/8/2025 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số: 56/2025/TB-TA ngày 21/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1972; Số CCCD: 077172003062

Địa chỉ: Khu phố Hải S, phường Tân P, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị T: ông Nguyễn Song P – sinh năm 1982.
Địa chỉ: Khu phố Tam L, xã Kim L, thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

Bị đơn: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn B, xã Dang (xã Cư K cũ), tỉnh Đắk Lắk (*vắng mặt*).

Người làm chứng: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố Hải S, phường Tân P, thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt – có*

đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 07/01/2024 ông Phan Thanh H có vay bà Bùi Thị T số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn vay là ba tháng, ngày trả nợ là 07/4/2024. Nếu sau 03 tháng không có tiền trả ông H sẽ lấy miếng đất của gia đình có giá trị sang tên lại cho bà T.

Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Thanh H phải trả cho bà T số tiền còn nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là: 37.800.000 đồng x 20%/năm x 15 tháng (tạm tính từ ngày 07/01/2024 đến ngày 07/4/2025) = 32.500.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 162.500.000 đồng. Ngoài ra, bà T còn yêu cầu ông H phải tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 08/4/2025 cho đến khi hết nợ gốc.

- *Bị đơn: Tại bản tự khai ông Phan Thanh H, trình bày:* Việc bà T yêu cầu tôi trả số tiền 130.000.000 đồng nợ gốc và 32.500.000 đồng tiền lãi, tôi không đồng ý, tôi không có vay tiền bà T mà tôi có vay tiền của và Phạm Thị L 160.000.000 đồng. Tôi đã chuyển trả cho bà L 100.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng, bà L có ghi giấy nợ 130.000.000 đồng, sau hơn 02 tháng thì tôi thấy tiền lãi quá cao và còn đe dọa thuê người lên nhà tôi quậy phá nên tôi mới ký vào giấy nợ của bà T chứ tôi chưa biết bà T là ai, đến bây giờ còn tính thêm tiền lãi 32.500.000 đồng nữa thì tôi chỉ có vay của bà L 60.000.000 đồng, mà tính gốc lãi là 162.500.000 đồng thì mong tòa án giải quyết cho tôi hợp tình hợp lý.

Người làm chứng: bà Phạm Thị L, trình bày: Tôi và bà Bùi Thị T có mối quan hệ là người quen, vào ngày 07/01/2024 tôi có chứng kiến việc bà Bùi Thị T cho ông Phan Thanh H vay số tiền 130.000.000 đồng, tôi là người viết giấy nợ cho bà T và ông H, tôi có ký vào giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng, tại thời điểm lập giấy có mặt ông H và bà T, các bên đều ký vào giấy vay tiền, việc bà T cho ông H vay tiền là đúng thực tế, bà T có giao tiền cho ông H là bằng tiền mặt với số tiền là 130.000.000 đồng để mua sắm vật dụng đồ đạc trong gia đình còn thiếu, tôi có chứng kiến việc thỏa thuận bằng miệng giữa bà T và ông H nếu chưa có tiền gốc trả trong thời gian sẽ tính lãi suất theo ngân hàng là 20%/năm và ông H nói nếu đến hạn không có tiền trả sẽ bán đất có giá trị bất kỳ của ông H để trả nợ. Nay đã quá hạn mà ông H trốn tránh, cố tình trây ỳ việc trả tiền cho bà T, tôi là người đứng giữa liên hệ cho bà

T cũng không được. Sự việc trên tôi viết hoàn toàn đúng sự thật, mong tòa án sớm giải quyết quyền lợi cho bà T.

Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho ông H nhưng ông H không hợp tác nên không thể tiến hành đối chất và hòa giải.

Tòa án đã có biên bản lấy lời khai của ông H về việc có cung cấp được giấy tờ gì để chứng minh cho việc bị ép buộc ký giấy nợ với bà T nhưng ông H không có cung cấp được tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền cho bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu HĐXX xem xét buộc ông Phan Thanh H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi cụ thể, theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu tính lãi 20%/năm, tại phiên tòa đại diện cho bà T chỉ tính lãi suất 10%/năm. Bắt đầu tính từ ngày từ ngày quá hạn 08/4/2024 đến ngày 11/9/2025 là 521 ngày, với số tiền là 18.556.164 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 11/9/2025 là 18.556.164 đồng. Trong đó: nợ gốc là 130.000.000 đồng và lãi suất là 18.556.164 đồng. Đại diện cho bà T xin rút một phần yêu cầu đối với phần lãi suất 10%/năm và rút phần yêu cầu tính lãi từ ngày 07/01/2024 đến ngày 07/4/2024.

Tại phiên tòa ông Phan Thanh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn ông Phan Thanh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy

định.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình; bị đơn không hợp tác, cố tình vắng mặt.

Dựa trên tài liệu, chứng cứ đã thu thập được của vụ án có căn cứ xác định được việc bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng. Nhận thấy đã quá thời hạn trả nhưng bị đơn không thực hiện việc trả tiền theo thỏa thuận hai bên đã ký kết là vi phạm cam kết giữa hai bên. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc là có căn cứ, cần chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 130.000.000 đồng và số tiền lãi 20%/năm tạm tính từ ngày 07/01/2024 đến ngày 07/4/2025 là 32.500.000 đồng và tiếp tục trả lãi từ ngày 08/4/2025 đến khi trả hết tiền nợ gốc tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh thỏa thuận về lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10% đối với số tiền chậm trả kể từ ngày 08/4/2024 là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận về việc tính lãi suất đối với số tiền 130.000.000 đồng chậm trả kể từ ngày 08/4/2025. Từ những phân tích trên, Áp dụng Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phan Thanh H phải trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị T số tiền gốc 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 08/4/2025. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, do đại diện cho nguyên đơn xin rút tại phiên tòa.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn ông Phan Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa bà Bùi Thị T với ông Phan Thanh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Phan Thanh H vắng mặt lần thứ hai, quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt, tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt ông Phan Thanh H là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 07/01/2024 bà Bùi Thị T có cho ông Phan Thanh H vay tiền với số tiền là 130.000.000 đồng. Thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 07/01/2024 đến ngày 07/4/2024. Ông H cam kết nếu sau 03 tháng không trả nợ sẽ sang lô đất có giá trị của mình cho bà T để khấu trừ nợ. Việc vay tiền có viết giấy tay, bà Phạm Thị L là người viết giấy thay cho bà T và bà L ký vào giấy vay với tư cách là người làm chứng. Bà T cho rằng ông H vi phạm thời hạn trả nợ nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 10%/năm, tính từ ngày 08/4/2024 đến ngày 11/9/2025 là 18.556.164 đồng. Tổng cộng: 148.556.164 đồng.

Ông Phan Thanh H cho rằng không có vay của bà T số tiền 130.000.000 đồng, trước đó chỉ có vay của bà L số tiền 160.000.000 đồng, đã trả được 100 triệu đồng, còn nợ lại 60 triệu đồng, sau đó do lãi suất quá cao nên bị ép buộc ký vào giấy vay tiền của bà T, chứ không nợ tiền bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả số tiền còn nợ gốc là 130.000.000 đồng và lãi suất phát sinh, ông H không đồng ý.

Sau khi làm bản tự khai thì ông H không hợp tác nên không thể tiến hành đối chất và hòa giải. Tòa án đã có biên bản lấy lời khai của ông H về việc có cung cấp được giấy tờ gì để chứng minh cho việc bị ép buộc ký giấy nợ với bà T không nhưng ông H không có cung cấp được tài liệu chứng cứ gì.

Đối với tờ giấy ghi số tiền viết tay mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký, họ và tên của ông Phan Thanh H, bà Bùi Thị T và bà Phạm Thị L, ông H thừa nhận là chữ ký của ông H. Bà Phạm Thị L viết giấy giúp và chứng kiến việc bà T giao tiền cho ông H, Như vậy, xác định đó là chứng cứ hợp pháp và để chứng minh có việc ông H

nợ tiền vay của bà T với số tiền là 130.000.000 đồng, ông H cho rằng chỉ có nợ bà L 60.000.000 đồng chứ không có nợ bà T, viết giấy nợ cho bà T là bị ép phải viết nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh nên ý kiến phản đối của ông H không được HĐXX chấp nhận. Xét yêu cầu khởi kiện bà T là hoàn toàn có căn cứ nên cần được HĐXX chấp nhận. Buộc ông Phan Thanh H phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất, bà T cho rằng có thỏa thuận lãi suất theo mức 20%/năm nhưng không ghi vào trong giấy ghi mượn tiền. HĐXX thấy rằng vào ngày 07/01/2024 giữa bà T với ông H có ghi giấy mượn tiền, chỉ ghi số tiền mượn, thời hạn trả nợ và cam kết nên đến hạn không trả sẽ cần đất cho bà T trừ nợ nhưng không ghi mức lãi suất cụ thể, ông Hùng cũng không chấp nhận cả lãi và gốc, bà T cho rằng đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông H không trả, trong giấy mượn tiền hẹn ngày trả nợ là 07/4/2024 đến nay đã quá hạn, xác định ông H đã vi phạm hợp đồng nên bà T yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận và buộc ông H phải trả cho bà T tiền lãi suất tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/9/2025) với số tiền lãi là 18.556.164 đồng là phù hợp.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất 10%/năm và phần yêu cầu tính lãi từ ngày 07/01/2024 đến ngày 07/4/2024, do đại diện của nguyên đơn xin rút yêu cầu.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên buộc ông Phan Thanh H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm có giá ngạch là (148.556.164đ x 5%) 7.427.808 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; 147; 157; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; 241; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1. Buộc ông Phan Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T tổng số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 11/9/2025 là 148.556.000 đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) (lấy tròn số). Trong đó nợ gốc: 130.000.000 đồng; lãi suất tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (11/9/2025) là 18.556.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.*

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu trả lãi suất 10%/năm và phần yêu cầu tính lãi từ ngày 07/01/2024 đến ngày 07/4/2024, do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút tại phiên tòa.

4. Về án phí: Buộc ông Phan Thanh H phải chịu 7.428.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng*) (làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Đắk Lắk.

Trả lại cho bà Bùi Thị T số tiền 4.062.000 đồng (*Bốn triệu không trăm sáu hai nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai số 0007418 ngày 13/5/2025. Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 6 – Đắk Lắk
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi